

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 7 - 2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Thí và ông Mai Văn Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** bà Lê Thị Ngọc Loan – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 846/2020/QĐ-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, Quảng Bình, có mặt

*Bị đơn:* anh Phan Văn H, sinh năm 1991; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã B, huyện B, Quảng Bình;

Địa chỉ hiện nay: Korea (Hàn quốc), vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh Phan Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2015 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống với nhau được gần 4 năm, nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do lối sống và quan điểm không hoà hợp nhau. Đến tháng 9 năm 2018, anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, trong quá trình anh H ở nước ngoài hai vợ chồng ít liên lạc, quan tâm đến nhau. Chị D cũng đã tạo điều kiện để hai vợ chồng có thời gian suy nghĩ và xác định lại tình cảm nhưng không cải thiện hơn, nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

*Về con chung và tài sản chung:* Chị D khai vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết

Về phía bị đơn anh Phan Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện uỷ thác tư pháp cho Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc để tổng đạt các văn bản tố tụng tới anh Phan Văn H. Ngày 20/01/2020, Toà án nhận được Công điện của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc về việc đã thực hiện tổng đạt các giấy tờ tố tụng cho anh H; Đại sứ quán tại Hàn Quốc cũng đã niêm yết công khai và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán trong vòng 30 ngày, tuy nhiên không có phản hồi từ phía anh H;

Do việc uỷ thác không đạt được kết quả nên Toà án gửi công văn cho Ban đối ngoại Đài Tiếng nói Việt Nam đề nghị thông báo qua kênh phát thanh dành cho người nước ngoài đối với anh H. Ngày 02 tháng 6 năm 2020, Ban đối ngoại - Đài Tiếng nói Việt Nam đã thông báo trên hệ phát thanh (VOV5), kênh thông tin dành cho người nước ngoài các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Dung và anh Phan Văn H nhưng vẫn không có kết quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ.

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị D và anh H được ly hôn.

Về con chung và về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi xem xét các lời khai, tài liệu có tại hồ sơ vụ án; Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn anh Phan Văn H ở Hàn Quốc và xác nhận tại Công văn số: 9921/QLXNC-P5 ngày 26/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh thì anh Phan Văn H xuất cảnh ra

nước ngoài lần gần nhất là ngày 08/11/2018 đến ngày 26/6/2020 chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, vì vậy xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về phương thức tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự là người Việt Nam ở nước ngoài: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Toà án theo đường dịch vụ bưu chính đến Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc để tổng đạt cho anh Phan Văn H đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án nhận được Công điện của Đại sứ quán Việt Nam về việc đã niêm yết các văn bản của Toà án, và không có kết quả phản hồi của anh H. Toà án cũng đã thông báo về vụ việc ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn H trên kênh phát thanh dành cho người nước ngoài của Ban đối ngoại - Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5) theo quy định tại khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của anh Phan Văn H:

Toà án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp tổng đạt cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên toà ngày 26/6/2020, anh Phan Văn H vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà, tại phiên toà ngày 24/7/2020, anh Phan Văn H vẫn tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, lẽ ra anh chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình, đáng này trong thời gian chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm và lối sống khác nhau, hai bên không tự giải quyết được những vấn đề mâu thuẫn xảy ra dẫn đến mỗi người ở một nơi. Năm 2018, anh H xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho đến nay, hai bên không còn quan tâm, ít liên lạc với nhau, anh Hùng bỏ mặc không có phản hồi về việc níu kéo hôn nhân, mặc dù gia đình người thân đã biết việc chị D khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận xử cho chị D được ly hôn anh H.

[2.2]. Về con chung: Chị D và anh H không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị D và anh H không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 1.500.000 đồng chi phí đăng thông báo trên Đài Tiếng nói Việt Nam và 270.000 đồng chi phí tổng đạt văn bản cho bị đơn ở nước ngoài;

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 228, 147, 153, 474, 477, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều: 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phan Văn H.

2. Về con chung: không xem xét

3. Về tài sản chung: không xem xét

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2017/0006239 ngày 12/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Chị D chịu nộp: 1.500.000 đồng chi phí đăng thông báo trên Đài Tiếng nói Việt Nam và 270.000 đồng chi phí tổng đạt văn bản cho bị đơn ở nước ngoài (đã nộp đủ);

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Phan Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, VP.

(đã ký)

**Nguyễn Thái Sơn**



